TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/DS - ST
Ngày: 26-5-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Trương Văn Sắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc *" Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số: 04A/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thu Đ, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Bà Trần Thị M, sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thu Đông trình bày:

Trước đây vào ngày 17 tháng 02 năm 2017 bà Lê Thu Đ có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị M làm chủ hụi, hụi mùa có lãi mỗi năm 3 vụ lúa mỗi vụ đóng 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* có 15 thành viên tham gia chơi hụi. Trong đó bà Lê Thu Đ có chơi 01 chân hụi và đóng được 10 lần tổng số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*. Đến năm 2020 bà Trần Thị M tuyên bố vỡ hụi không giao tiền

hụi cho bà Thu Đ, bà Thu Đ có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng bà M chỉ hứa hẹn mà không trả tiền hụi.

Tại phiên tòa bà Lê Thu Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M trả lại số tiền hụi là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và không yêu cầu tính lãi bà Đ chỉ yêu cầu một mình bà M trả số tiền trên.

Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2017 bà Lê Thu Đ có tham gia 01 chân hụi do bà Trần Thị M làm chủ, hụi mùa có lãi một năm đóng 3 lần mỗi vụ đóng 5000.000đ có 15 hụi viên tham gia chơi hụi. Bà Lê Thu Đ đóng được 10 lần tổng số tiền gốc là 30.000.000đ và số tiền bà Lê Thu Đ hốt hụi cuối cùng là 50.000.000đ, mỗi lần các tay em hốt hụi bà nhận tiền hoa hồng là 2.500.000đ, đến năm 2020 dây hụi này bị bể hụi nên bà xin dừng 15 chân hụi này và trả lại số tiền gốc cho bà Lê Thu Đ số tiền 30.00.000đ nhưng phía chị Đ không đồng ý.

Tại phiên toà bà Trần Thị M xin trả cho bà Lê Thu Đ số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* và xin trả dần mỗi vụ lúa 5.000.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thu Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền hụi là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Lê Thu Đ khởi kiện bà Trần Thị M, bà Trần Thị M có hộ khẩu thường trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thu Đ yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền hụi là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2017 do chỗ quen biết bà Lê Thu Đ có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị M làm chủ hụi, hụi mùa có lãi mỗi năm 3 vụ lúa, mỗi vụ đóng 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* có 15 thành viên tham gia chơi hụi. Trong đó bà Lê Thu Đ có chơi 01 chân hụi và đóng được 10 lần tổng số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* hụi kết thúc vào năm 2022. Nhưng đến năm 2020 bà Trần Thị M tuyên bố vỡ hụi và không chịu trả lại số tiền hụi 50.000.000đ cho bà Lê Thu Đ nên từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Từ năm 2020 đến nay bà Lê Thu Đ có đến nhà bà Trần Thị M yêu cầu trả lại số tiền hụi đã đóng nhưng phía bà M cố tình né tránh không chịu trả nợ. Việc bà M thu tiền hụi sau đó không giao lại cho hụi viên là vi phạm nghĩa vụ giao hụi được quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ,hụi, bêu phường. Do đó, bà Lê Thu Đ yêu cầu bà Trần Thị M trả số tiền hụi 50.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà Trần Thị M cho rằng do các tay em không đóng hụi nên bà không có khả năng trả cho bà Lê Thu Đ số tiền 50.000.000đ bà xin trả lại số tiền gốc là 30.000.000đ và xin trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đ cho đến khi hết nợ việc bà Trần Thị M xin trả dần cho bà Lê Thu Đ số tiền gốc là 30.000.000đ và xin trả dần mỗi vụ lúa 5.000.000đ cho đến khi hết nợ là không có cơ sở. Bởi lẽ trong thời gian tham gia chơi hụi bà Thu Đ có đóng tiền cho bà M 10 lần tổng số tiền là 50.000.000đ, đến năm 2020 bà M cho rằng do các tay em không đóng hụi nên bà không có khả năng tràn hụi nên tuyên bố vỡ hụi, tại phiên toà bà M thừa nhận việc bà Đ có tham gia chơi hụi và đóng được 10 lần là đúng nhưng số tiền thực tế bà Đ đóng không đến 50.000.000đ, số tiền hoa hồng mỗi lần các thành viên hốt hụi bà M được hưởng 2.500.000đ. Như vậy có thể khẳng định rằng việc các bên có tham gia chơi hụi là có thật, khi tham gia chơi hụi các thành viên có thoả thuận lãi suất và hưởng hoa hồng tiền trên lệch khi hốt hụi. Bà M cho rằng do các tay em không đóng hụi nên bà không có khả năng tràn hụi nên tuyên bố vỡ hụi và xin trả lại số tiền gốc cho các hụi viên đã đóng. Việc bà M tạo dựng lòng tin của các thành viên khác tham gia chơi hụi, sau đó gom hụi của các hụi viên mà không giao tiền cho các thành viên còn lại nhằm chiếm đoạt số tiền trên phục vụ cho lợi ích cá nhân là vi phạm nghĩa vụ của chủ họ, hụi là xâm hại đến quyền và lợi ích của hụi viên bà Lê Thu Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin trả dần và xin trả tiền gốc của bà Trần Thị M.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu Đ buộc bà Trần Thị M trả cho bà Lê Thu Đ số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).*

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* .

Án phí tính như sau: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Yêu cầu của bà Lê Thu Đ được chấp nhận nên bà Thu Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lê Thu Đ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 00002075 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Trần Thị M phải nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, ,khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 353, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ,hụi, bêu phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thu Đ.

2. Buộc bà Trần Thị M trả cho bà Lê Thu Đ số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của bà Lê Thu Đ được chấp nhận nên bà Thu Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lê Thu Đ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 00002075 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Trần Thị M phải nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thu Đ, bà Trần Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 26 tháng 5 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Trương Văn Sắc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc " tranh chấp hợp đồng góp hụi" giữa:

1/. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thu Đông, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mè, sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đá Nổi A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, ,khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 353, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ,hụi, bêu phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thu Đông.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

2. Buộc bà Trần Thị Mè trả cho bà Lê Thu Đông số tiền là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành

án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của bà Lê Thu Đông được chấp nhận nên bà Thu Đông không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lê Thu Đông số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 00002075 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Trần Thị Mè phải nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

4. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thu Đông, bà Trần Thị Mè có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 26 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA